

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/HC-PT
Ngày 17 tháng 3 năm 2023
V/v. Khiếu kiện Quyết định hành
chính, Hành vi hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 117/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính, Hành vi hành chính”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1724/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 2 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1950; địa chỉ: phường TL, thành phố TN, tỉnh TN. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị kiện:**

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh TN; địa chỉ: đường ĐC, thành phố TN, tỉnh TN; do bà Nguyễn Thị Hương L – Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh TN làm đại diện; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bảo hiểm xã hội VN; địa chỉ: phường TT, quận HK, thành phố HN; do ông Lê Hùng S – Phó Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội VN làm đại diện. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Liên đoàn Lao động tỉnh TN; địa chỉ: phường TV, thành phố TN, tỉnh TN; do ông Nguyễn Tấn G – Trưởng ban Chính sách, Pháp luật và Quan hệ lao động, làm đại diện. Có mặt tại phiên tòa.

2. Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội tỉnh TN; địa chỉ: đường PL, phường HVT, thành phố TN, tỉnh TN; do ông Nguyễn Mạnh B – Trưởng phòng

Chính sách lao động làm đại diện. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện người khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V trình bày:

Quyết định trợ cấp tai nạn lao động (TNLĐ) hàng tháng bị kiện số 222/QĐ-BHXXH ngày 07/01/2004 của Bảo hiểm xã hội (BHXXH) tỉnh TN về việc ông V được lĩnh trợ cấp TNLĐ hàng tháng kể từ ngày 01/07/1988. Ông V được truy lĩnh từ 01/07/1988 đến 28/02/2004 số tiền là 9.232.792 đồng (có bảng tính theo từng giai đoạn kèm theo). Ông V lĩnh số tiền trên tại BHXXH tỉnh TN. Kể từ ngày 01/03/2004 ông V lĩnh trợ cấp TNLĐ hàng tháng mức 87.000 đồng/tháng tại phường TL, thành phố TN.

Hành vi hành chính bị kiện:

1/ Không chi trả (Truy lĩnh) tiền trợ cấp TNLĐ từ khi ra viện (23/03/1978) đến ngày được cấp sổ chứng nhận thương tật (ngày 01/01/1988).

2/ Không cấp tiền để làm răng giả theo quy định.

3/ Trưởng ban CĐCS BHXXH VN (ông Hà Đình C) ký công văn số 3727/BHXXH-CĐCS ngày 10/11/2003 của BHXXH VN chỉ đạo BHXXH tỉnh TN chi trả thiếu (chiếm dụng) trợ cấp TNLĐ từ 01/07/1988 đến 28/02/2004.

Tóm tắt nội dung Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện:

- Tóm tắt nội dung Quyết định số 222/QĐ-BHXXH ngày 07/01/2004 của BHXXH tỉnh TN: Ông Nguyễn Văn V được hưởng trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng từ tháng 01/1988 mang Giấy chứng nhận thương tật TNLĐ số 15-13. Tháng 7/1988, ông V về nghỉ thôi việc chưa được trợ cấp, nay ông V được lĩnh trợ cấp hàng tháng kể từ ngày 01/7/1988. Ông V được truy lĩnh từ 01/7/1988 đến 28/2/2004 tính theo từng giai đoạn theo chỉ đạo của BHXXH VN tại công văn số 3727/BHXXH - CĐCS ngày 10/11/2003. Kể từ 01/3/2004 ông V lĩnh trợ cấp hàng tháng mức 87.000 đồng/tháng ở phường TL, thành phố TN.

- Tóm tắt hành vi hành chính bị kiện: không chi trả trợ cấp từ khi ra viện (23/03/1978) đến ngày được cấp thẻ chứng nhận thương tật (01/01/1988). Không cấp tiền làm răng giả theo quy định. BHXXH VN chỉ đạo BHXXH tỉnh TN chiếm dụng trợ cấp TNLĐ từ 01/07/1988 đến 28/2/2004.

Yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 222/QĐ-BHXXH ngày 07/01/2004 của BHXXH tỉnh TN về việc trợ cấp tai nạn lao động (TNLĐ) hàng tháng của ông Nguyễn Văn V (phần truy lĩnh từ 01/07/1988 đến ngày 28/02/2004).

- Hủy một phần Văn bản số 3727/BHXXH-CĐCS ngày 10/11/2004 của BHXXH VN về chế độ trợ cấp TNLĐ đối với ông Nguyễn Văn V.

- Tuyên bố hành vi của BHXXH tỉnh TN không chi trả (truy lĩnh) tiền trợ cấp tai nạn lao động từ khi ông Nguyễn Văn V ra viện (23/3/1978) đến ngày được cấp sổ chứng nhận thương tật (ngày 01/01/1988) là trái quy định của pháp luật.

- Tuyên bố hành vi của BHXXH tỉnh TN không cấp tiền để làm răng giả theo

quy định là trái pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án: a/ Buộc BHXH tỉnh TN bồi thường ngày công không lao động từ tháng 03/1978 đến tháng 10/2021 bằng 5.064.130.000 đồng. b/ Buộc BHXH tỉnh TN bồi thường 72 tháng lương thợ nề bậc 4/7 do làm trái pháp luật: $72 \times 4.823.000 \text{ đồng} = 347.256.000 \text{ đồng}$. Tổng a, b: 5.411.386.000 đồng.

Yêu cầu Tòa án: a/ Buộc BHXH VN bồi thường ngày công lao động từ tháng 03/1978 đến 10/2021 bằng 2.532.065.000 đồng. b/ Buộc BHXH VN bồi thường 36 tháng lương thợ nề bậc 4/7 do làm trái pháp luật bằng 173.628.000 đồng. Tổng a, b là 2.705.693.000 đồng, theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông V bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004, hủy toàn bộ Văn bản số 3727/BHXH-CĐCS ngày 10/11/2004.

Yêu cầu BHXH tỉnh TN bồi thường thiệt hại thêm 02 tháng. Buộc BHXH tỉnh TN bồi thường ngày công không lao động từ tháng 03/1978 đến tháng 12/2021 bằng 5.430.678.000 đồng. Buộc BHXH tỉnh TN bồi thường 72 tháng lương thợ nề bậc 4/7 do làm trái pháp luật: $72 \times 4.823.000 \text{ đồng} = 347.256.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 5.777.934.000 đồng.

Yêu cầu BHXH VN bồi thường thiệt hại thêm 02 tháng. Buộc BHXH VN bồi thường ngày công lao động từ tháng 03/1978 đến 10/2021 bằng 2.541.711.000 đồng. Buộc BHXH VN bồi thường 36 tháng lương thợ nề bậc 4/7 do làm trái pháp luật bằng 173.628.000 đồng. Tổng cộng 2.715.339.000 đồng theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Yêu cầu Liên đoàn Lao động tỉnh TN phải bồi thường là: 2.541.711.000 đồng, theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Tại văn bản số 652/BHXH-CĐBHXH ngày 14/7/2021, Bảo hiểm xã hội tỉnh TN có ý kiến như sau:

1. Việc chi trả truy lĩnh tiền trợ cấp TNLĐ đối với ông Nguyễn Văn V:

BHXH tỉnh BT (nay là TN) nhận nhiệm vụ giải quyết và chi trả chế độ BHXH từ tháng 10/1995, theo đó tiếp nhận bàn giao danh sách và hồ sơ hưởng các chế độ BHXH từ Liên đoàn Lao động tỉnh BT (cũ) và từ Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội tỉnh BT (cũ) (theo Thông tư số 125/TT-LB ngày 24/6/1995, Quyết định số 606-TTg ngày 26/9/1995).

Về trường hợp ông Nguyễn Văn V, cụ thể: Năm 2003, BHXH tỉnh TN nhận được đơn của ông Nguyễn Văn V ghi ngày 26/5/2003, trong đơn ông trình bày trước đây ông là công nhân thuộc Công ty Xây dựng BT, năm 1978, bị tai nạn lao động nhưng đến năm 1987 mới được đơn vị cho đi giám định y khoa và được cấp thẻ thương tật hạng 4, số thẻ 15-13 cấp ngày 01/01/1988. Ngày 11/7/1988, đơn vị cho ông nghỉ thôi việc và từ đó đến thời điểm viết đơn ông không được hưởng chế độ thương tật theo quy định, đề nghị được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước (ông gửi đơn kèm theo bản photo thẻ thương tật, biên bản TNLĐ, giấy ra viện, quyết định nghỉ thôi việc).

Trong danh sách bàn giao từ Liên đoàn Lao động tỉnh BT (cũ) và Sở Lao động, Thương binh và Xã Hội tỉnh BT (cũ) không có tên ông Nguyễn Văn V, số hồ sơ TNLĐ: 15-13, nên BHXH tỉnh TN đã gửi Công văn số 651/CS-BHXH ngày 04/7/2003, Công văn số 958/CĐCS-BHXH ngày 02/10/2003 xin ý kiến chỉ đạo của BHXH VN, đồng thời gửi Công văn số 700/CS-BHXH ngày 31/7/2003 đến Liên đoàn Lao động tỉnh TN đề nghị có ý kiến về việc giải quyết và hưởng chế độ TNLĐ của ông V.

BHXH tỉnh TN đã nhận được Công văn chỉ đạo của BHXH VN (Công văn số 2324/BHXH-CSXH ngày 25/7/2003, Công văn số 3727/BHXH ngày 10/11/2003) và Công văn số 133/CV-LĐLĐT ngày 25/9/2003 của Liên đoàn Lao động tỉnh TN).

Căn cứ vào hồ sơ TNLĐ của ông V và các văn bản pháp lý liên quan, BHXH tỉnh TN ban hành Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004 về việc hưởng chế độ TNLĐ đối với ông V, trong đó: đã tính truy lĩnh trợ cấp TNLĐ kể từ ngày ông V nhận quyết định thôi việc là tháng 7/1988 (theo quy định tại tiết c điểm 8 mục II Thông tư số 77/TT-TCD ngày 10/12/1986 của Tổng Công đoàn VN hướng dẫn thi hành Quyết định số 133-HĐBT ngày 01/11/1986 của Hội đồng Bộ trưởng thì công nhân viên chức bị TNLĐ nếu thôi việc thì ngành lao động tổ chức thực hiện chi trả) đến tháng 2/2004 và thực hiện chi trả chế độ TNLĐ từ tháng 3/2004 đến nay.

Trong năm 2004, BHXH tỉnh TN hai lần nhận được đơn của ông V (đơn ghi ngày 29/9/2003 và ngày 13/01/2004) đề nghị được truy lĩnh từ tháng 12/1987 trở về trước. BHXH tỉnh TN trả lời ông V tại Công văn số 984/BHXH-KT ngày 14/10/2003 và Công văn số 68/CĐCS-BHXH ngày 09/02/2004. Từ đó đến nay, ông Nguyễn Văn V không có ý kiến gì về nội dung BHXH tỉnh TN trả lời.

2. Về thanh toán tiền lấp răng giả cho ông Nguyễn Văn V.

Ngày 15/12/2020, ông Nguyễn Văn V đến BHXH tỉnh TN đề nghị được thanh toán và truy lĩnh tiền lấp răng giả từ năm 1978 đến nay. BHXH tỉnh TN đã giải thích và hướng dẫn ông V (biên bản tiếp công dân ngày 15/12/2020) liên hệ với cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động Thương binh và Xã Hội hoặc bệnh viện cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên để khám và được lấp răng giả (quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 20/9/2017), sau đó nộp hồ sơ về BHXH tỉnh TN để thanh toán. Hồ sơ gồm: hóa đơn, chứng từ mua các phương tiện được trang cấp (quy định tại mục e, tiết 1, điểm 1.2.1, mục 1.2, khoản 1, Điều 6 Chương III Quyết định 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH VN) nhưng đến nay ông V chưa nộp hồ sơ theo quy định nêu trên để thanh toán tiền lấp răng giả. Việc ông V đề nghị thanh toán tiền truy lĩnh lấp răng giả từ năm 1978 đến nay mà không có hóa đơn, chứng từ nên BHXH tỉnh không có cơ sở để giải quyết theo đề nghị của ông V.

- *Tại văn bản số 2297/BHXH-CSXH ngày 02/8/2021, Bảo hiểm xã hội VN có ý kiến như sau:*

1. Về việc hoàn trả trợ cấp TNLĐ của những tháng chưa nhận đối với ông Nguyễn Văn V.

BHXX VN nhận được Công văn số 651/CS-BHXX ngày 04/7/2003 và Công văn số 958/CĐCS-BHXX ngày 02/10/2003 của BHXX tỉnh TN về việc xem xét giải quyết cho ông Nguyễn Văn V được hưởng tiếp trợ cấp TNLĐ hàng tháng. Theo báo cáo của BHXX tỉnh TN và hồ sơ liên quan gửi kèm, ông Nguyễn Văn V nguyên là công nhân thuộc Công ty Xây dựng BT (cũ), bị tai nạn lao động ngày 14/02/1978, được hưởng trợ cấp thương tật hạng 4 theo Giấy chứng nhận thương tật - TNLĐ số 15-13 do Ban Quản lý sự nghiệp BHXX - Tổng Công đoàn VN cấp ngày 01/01/1988. Tháng 7/1988 đơn vị cho ông nghỉ thôi việc và từ đó đến thời điểm viết đơn, ông không hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng. Khi thành lập BHXX tỉnh BT (cũ), ông V không có tên trong danh sách hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng do Liên đoàn Lao động tỉnh BT (cũ) bàn giao theo quy định tại Thông tư số 125/TT-LBB ngày 24/6/1995 của Liên bộ Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động VN hướng dẫn việc bàn giao nhiệm vụ, tổ chức và nhân sự của BHXX thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động VN sang BHXX VN.

Căn cứ Công văn số 908/TLĐ ngày 25/7/1996 của Tổng Liên đoàn Lao động VN về việc giải quyết tồn tại chế độ TNLĐ sau bàn giao BHXX và hồ sơ TNLĐ của ông Nguyễn Văn V; căn cứ tỷ lệ thương tật đã được Hội đồng Giám định y khoa tỉnh BT (cũ) và quy định của chế độ chính sách, ngày 10/11/2003, BHXX VN đã có Công văn số 3727/BHXX-CĐCS đồng ý đề BHXX tỉnh TN giải quyết chế độ trợ cấp TNLĐ hàng tháng đối với ông Nguyễn Văn V theo quy định tại điểm 4, mục II Thông tư số 77/TT-TCD ngày 10/12/1986 của Tổng Công đoàn VN hướng dẫn thi hành Quyết định 133/HĐBT ngày 01/11/1986 của Hội đồng Bộ trưởng về việc bổ sung, sửa đổi một số điểm về chế độ ốm đau, TNLĐ và bệnh nghề nghiệp đối với công nhân, viên chức.

Căn cứ Công văn số 3727/BHXX-CĐCS nêu trên, BHXX tỉnh TN đã giải quyết cho ông V được truy lĩnh trợ cấp TNLĐ của những tháng chưa nhận kể từ khi thôi việc (từ tháng 7/1988 đến tháng 02/2004) với mức trợ cấp TNLĐ được tính theo quy định của chính sách từng giai đoạn và tiếp tục chi trả trợ cấp TNLĐ cho ông V từ tháng 3/2004 cho đến nay. Như vậy, trợ cấp tai nạn lao động hàng tháng cho ông Nguyễn Văn V đã được chi trả liên tục từ tháng 7/1988 đến nay.

Từ trước tới nay, pháp luật về BHXX không quy định về việc chi trả trợ cấp TNLĐ đối với người có thời gian gián đoạn không lĩnh trợ cấp TNLĐ bao gồm tiền lãi. Do vậy, căn cứ quy định của chính sách về điều chỉnh mức hưởng trợ cấp TNLĐ qua từng thời kỳ, khi tính truy lĩnh trợ cấp TNLĐ cho ông V, BHXX tỉnh TN đã tính truy lĩnh mức hưởng TNLĐ theo các mức hưởng TNLĐ theo các mức quy định của chính sách, không bao gồm tiền lãi.

Do đó, về nội dung yêu cầu của ông V, cơ quan BHXX không có căn cứ thực hiện.

2. Việc thanh toán tiền lắp răng giả đối với ông Nguyễn Văn V.

Tại tiết e, điểm 8, Mục II Thông tư số 77/TT-TCD ngày 10/12/1986 của Tổng Công đoàn VN quy định chế độ cấp phát phương tiện chỉnh hình, kính, máy điếc... vẫn thực hiện theo quy định hiện hành (Điều lệ tạm thời về các chế độ

BHXXH ban hành kèm theo Nghị định số 218-CP của Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư số 01-TT/LB ngày 23/01/1962 của Liên Bộ Lao động, Nội vụ). Theo đó, sau khi thành thương tật, theo đề nghị của Hội đồng khám xét thương tật, công nhân viên chức được lắp chân tay giả, mắt giả hoặc được cấp máy điếc, kính đeo mắt... do cơ quan sử dụng mua sắm để cấp phát, công nhân, viên chức không phải trả tiền. Những vật dụng trên đây nếu hư hỏng trước thời gian sử dụng đã quy định mà không có lý do chính đáng thì chưa được cấp phát lại, nếu hư hỏng sau thời gian sử dụng đã quy định thì được cấp phát lại.

Để đảm bảo quyền lợi của người lao động, tại Quyết định số 166/QĐ-BHXXH ngày 31/01/2019 về quy trình giải quyết các chế độ BHXXH, chi trả các chế độ BHXXH, bảo hiểm thất nghiệp, BHXXH VN hướng dẫn chi trả đối với trường hợp đang hưởng trợ cấp TNLĐ trước ngày 01/01/2007 đã được trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt nay đề nghị trang cấp tiếp.

Tuy nhiên, đối với trường hợp ông Nguyễn Văn V, tại Biên bản Giám định thương tật số 40/GĐYK ngày 26/6/1987, Hội đồng Giám định y khoa tỉnh BT (cũ) không đề nghị ông V được lắp răng giả và hồ sơ hiện có không thể hiện trước đây được đơn vị cấp phát răng giả nên BHXXH không có căn cứ để thanh toán tiền lắp răng giả. Việc ông V đề nghị thanh toán tiền truy lĩnh lắp răng giả từ năm 1978 đến nay mà không có hóa đơn, chứng từ nên BHXXH tỉnh TN không có cơ sở để giải quyết theo đề nghị của ông V.

- *Tại văn bản số: 855/LĐLĐ ngày 18/8/2021, Liên đoàn Lao động tỉnh TN có ý kiến như sau:*

Về hồ sơ TNLĐ của ông Nguyễn Văn V diễn ra hơn 30 năm, nhiều cơ quan tiếp quản, giải quyết hồ sơ. Năm 2003, Liên đoàn Lao động tỉnh TN có văn bản số 133/CV-LĐLĐT ngày 25/6/2003 trả lời BHXXH tỉnh TN về việc bàn giao hồ sơ của ông Nguyễn Văn V cũng như thực hiện trách nhiệm của tổ chức công đoàn đến thời điểm bàn giao hồ sơ. Việc giải quyết chế độ chính sách cho ông Nguyễn Văn V thuộc trách nhiệm và nghĩa vụ của BHXXH tỉnh TN. Từ năm 2003 đến nay, Liên đoàn Lao động tỉnh TN không nhận được đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn V đề nghị tham gia giải quyết quyền lợi cho ông.

- *Tại văn bản số: 3768/SLĐTBXH- TTr ngày 10/12/2021, Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội (Sở LĐTBXH) tỉnh TN có ý kiến như sau:*

Sau khi xem xét hồ sơ lưu trữ còn lại tại đơn vị, Sở LĐTBXH tỉnh TN nhận thấy: vấn đề liên quan đến nội dung khởi kiện là ông Nguyễn Văn V, Sở LĐTBXH BT đã trả lời ông V tại Công văn số 32/LĐTBXH-KT ngày 20/09/1989, về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Văn V, Hiện tại Sở LĐTBXH tỉnh TN giữ nguyên quan điểm tại Công văn số 32/LĐTBXH-KT ngày 20/09/1989 nêu trên, không bổ sung gì thêm, cụ thể:

“a- Sau khi bị tai nạn lao động năm 1978 tại XNLH gang thép, ông được điều trị và sức khỏe trở lại bình thường, ra viện được giám định y khoa tỉnh xác nhận mất sức 26% sức khỏe và được xếp hạng 4/4 và được cấp Sổ thương tật, công ty đã thanh toán chế độ thương tật cho ông đầy đủ kể cả truy lĩnh (xong trong tháng 5/1988...).

b- Do ốm đau nhiều nên trong 2 năm 1986-1987 ông đã nghỉ ốm đến 367,5 công ốm, những ngày nghỉ công ốm đã được Công ty giải quyết thanh toán theo quy định. Việc nghỉ trông con ốm cũng được giải quyết áp dụng như CNVC nữ có con ốm cho ông...(vì không có vợ trông con).

c- Như vậy, căn cứ vào các sổ sách và chứng từ thanh toán lương bổng và trợ cấp thương tật của công ty đối với ông là đúng quy định của Nhà nước”.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 13/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh TN căn cứ vào khoản 6, Điều 3, Điều 7, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, khoản 1, Điều 143, Điều 165, điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 6, Điều 11 Quyết định số 133-HĐBT ngày 01/11/1986; Điều 5 Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng; tiết b điểm 4, tiết c và tiết d điểm 8 Mục II Thông tư số 77/TT-TCĐ ngày 10/12/1986 của Tổng Công đoàn VN; Quyết định số 606-TTg ngày 26/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ; tiết h điểm 1 mục II Thông tư số 125/TT-TCĐ ngày 26/6/1995 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Tổng Liên đoàn lao động VN; khoản 1 Điều 8 Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; nội dung e tiết 1.2.1 điểm 1.2 khoản 1 Điều 6 Quyết định 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH VN, quyết định:

1- Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn V yêu cầu hủy toàn bộ Văn bản số 3727/BHXH-CĐCS ngày 10/11/2004 của BHXH VN về chế độ trợ cấp TNLĐ đối với ông Nguyễn Văn V.

2- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004 của BHXH tỉnh TN về việc trợ cấp TNLĐ hàng tháng của ông Nguyễn Văn V.

3- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V yêu cầu tuyên bố hành vi của BHXH tỉnh TN không chi trả (truy lĩnh) tiền trợ cấp TNLĐ từ khi ông Nguyễn Văn V ra viện (23/3/1978) đến ngày được cấp sổ chứng nhận thương tật (ngày 01/01/1988) là trái quy định của pháp luật.

4- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V yêu cầu tuyên bố hành vi của BHXH tỉnh TN không cấp tiền để làm răng giả theo quy định là trái pháp luật.

5- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V yêu cầu: Buộc BHXH tỉnh TN bồi thường ngày công không lao động từ tháng 03/1978 đến tháng 12/2021 bằng 5.430.678.000 đồng. Buộc BHXH tỉnh TN bồi thường 72 tháng lương thợ nề bậc 4/7 do làm trái pháp luật: $72 \times 4.823.000 \text{ đồng} = 347.256.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng 5.777.934.000 đồng. Yêu cầu buộc BHXH VN bồi thường ngày công lao động từ tháng 03/1978 đến 12/2021 bằng 2.541.711.000 đồng. Buộc BHXH VN bồi thường 36 tháng lương thợ nề bậc 4/7 do làm trái pháp luật bằng 173.628.000 đồng. Tổng cộng: 2.715.339.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người bị kiện là BHXH tỉnh TN, BHXH VN và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Liên đoàn Lao động tỉnh TN, Sở LĐTBXH tỉnh TN về cơ bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, kháng cáo của ông Nguyễn Văn V là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Nguyễn Văn V là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn V trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Đối với Văn bản số 3727/BHXH-CĐCS ngày 10/11/2004 của BHXH VN: Đây là văn bản mang tính chất nội bộ của BHXH VN gửi BHXH tỉnh TN có nội dung hướng dẫn nghiệp vụ thu, chi bảo hiểm xã hội, giải thích các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội (ông V được biết Văn bản là do BHXH tỉnh TN cung cấp) nên không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 6 Điều 3, điểm c khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông V về việc hủy Văn bản số 3727/BHXH-CĐCS ngày 10/11/2004 là đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông V về việc hủy Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004 của BHXH tỉnh TN và yêu cầu tuyên bố hành vi của BHXH tỉnh TN không chi trả (truy lĩnh) tiền trợ cấp TNLĐ từ khi ông V ra viện (ngày 23/3/1978) đến ngày được cấp Sổ chứng nhận thương tật (ngày 01/01/1988) là trái quy định của pháp luật:

[3.1] Quyết định số 222/QĐ-BHXH của BHXH tỉnh TN được ban hành ngày 07/01/2004. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/07/2021, ông V xác định sau khi nhận được Quyết định số 222/QĐ-BHXH ông có đơn khiếu nại gửi ông Lê Minh M - Giám đốc BHXH tỉnh TN. Trình bày của ông V là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện giải quyết khiếu nại của ông V, Giám đốc BHXH tỉnh TN đã ban hành Văn bản số 68/CĐCS-BHXH ngày 09/02/2004 (xem xét trả lời đơn của ông V đề ngày 13/01/2004), với nội dung: ông V đề nghị phúc tra lại

việc ông chưa được truy lĩnh trợ cấp TNLĐ từ tháng 12/1987 trở về trước và mức trợ cấp thương tật TNLĐ của ông được hưởng cơ quan BHXH tỉnh tính trả theo từng thời điểm là không thỏa đáng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông V xác định ông không nhận được Văn bản số 68/CĐCS-BHXH ngày 09/02/2004 của Giám đốc BHXH tỉnh TN, trong khi đó đại diện BHXH tỉnh TN cũng không xuất trình được tài liệu xác định đã gửi văn bản này cho ông V vào thời gian nào. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho ông V, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm ông V biết được Văn bản số 68/CĐCS-BHXH ngày 09/02/2004 của Giám đốc BHXH tỉnh TN là ngày 27/07/2021 và thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 09/02/2004 của Giám đốc BHXH tỉnh TN vẫn còn là phù hợp với quy định của pháp luật (theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính).

[3.2] Ngày 14/02/1978, ông V bị TNLĐ phải điều trị tại Bệnh viện.

Ngày 23/3/1978, ông V được ra viện với tình trạng sức khỏe ổn định.

Tại Biên bản giám định y khoa ngày 26/6/1987, Hội đồng Giám định y khoa tỉnh BT kết luận tỷ lệ mất sức lao động do thương tật của ông V là 26%.

Ngày 01/01/1988, ông V được Ban Quản lý sự nghiệp BHXH - Tổng Công đoàn VN cấp Giấy chứng nhận thương tật TNLĐ số 15-13.

Ngày 11/7/1988, ông V được Công ty Xây dựng BT cho thôi việc theo Quyết định số 39/TCXD ngày 11/7/1988 vì yếu sức khỏe không sản xuất lao động được.

Như vậy, căn cứ vào hồ sơ tai nạn lao động của ông V, BHXH tỉnh TN đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004 về việc trợ cấp TNLĐ hàng tháng cho ông V là đúng thẩm quyền (theo quy định tại Quyết định số 606-TTg ngày 26/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 125/TT-LB ngày 24/6/1995 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính Phủ - Bộ Lao động, Thương Binh-Xã hội - Tổng Liên đoàn lao động VN; Quyết định số 1620/QĐ-BHXH-TCCB ngày 17/12/2002 của Tổng Giám đốc BHXH VN về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH địa phương).

Tại Điều II của Quyết định số 222/QĐ-BHXH có nội dung: "*Nay ông Nguyễn Văn V được lĩnh trợ cấp hàng tháng kể từ ngày 1/7/1988. Ông V được truy lĩnh từ 01/7/1988 đến 28/02/2004. Tổng số tiền 9.232.792 đồng (Có bảng truy lĩnh kèm theo)... Ông V Lĩnh khoản trợ cấp một lần trên tại Bảo hiểm xã hội tỉnh TN. Kể từ ngày 1/3/2004 ông V lĩnh trợ cấp hàng tháng mức: 87.000 đồng/tháng. Nơi nhận trợ cấp: Phường TL, thành phố TN*".

Xét thấy, Quyết định số 222/QĐ-BHXH ngày 07/01/2004 của BHXH tỉnh TN được ban hành sau khi ông V đã nghỉ thôi việc về địa phương (ngày 01/07/1988). Ông V được giám định và xếp hạng thương tật sau ngày 01/10/1986 nên BHXH tỉnh TN đã tính truy lĩnh cho ông V tiền trợ cấp TNLĐ từ ngày 01/7/1988 đến ngày 28/2/2004 theo quy định của chính sách về điều chỉnh mức hưởng trợ cấp TNLĐ qua từng thời kỳ là đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi của ông V. Theo đó, từ ngày 01/7/1988 đến ngày 31/10/1992: tiền trợ cấp TNLĐ được tính theo Quyết định số 133/HĐBT ngày 01/11/1986 và được điều chỉnh tăng mức

trợ cấp theo các Nghị định của Chính phủ. Từ ngày 10/11/1992 đến ngày 30/11/1993 được cộng tiền nhà ở theo Nghị định số 118/HĐBT ngày 27/11/1992 của Hội đồng Bộ trưởng. Kể từ ngày 01/12/1993 đến ngày 30/12/2002, mức hưởng trợ cấp TNLĐ ấn định TNLĐ hạng 4 theo các Nghị định gồm: Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 26/01/1994; Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 121/01/1997; Nghị định số 175/1999/NĐ-CP ngày 15/12/1999; Nghị định số 77/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 của Chính phủ. Kể từ ngày 01/01/2003 đến ngày 28/02/2004, tính theo Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ.

Thời điểm tính trợ cấp TNLĐ cho ông V là ngày 07/01/2004. Tuy nhiên, pháp luật về BHXH không quy định về việc chi trả trợ cấp TNLĐ đối với người có thời gian gián đoạn không lĩnh trợ cấp TNLĐ bao gồm tiền lãi. Do đó, yêu cầu của ông V về việc tính theo mức trợ cấp TNLĐ từ ngày 01/7/1988 đến 28/2/2004 là 187 tháng, theo mức là 447.000 đồng/tháng (bằng mức ông V đang hưởng hàng tháng hiện nay) là không phù hợp với các Nghị định của Chính phủ tại các giai đoạn trên, nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V là đúng.

[3.4] Về chế độ trợ cấp TNLĐ, ông V xác định đã được Liên đoàn Lao động tỉnh BT chi trả 06 tháng từ khi được cấp Giấy chứng nhận thương tật ngày 01/01/1988 và BHXH tỉnh TN chi trả từ 01/7/1988 cho đến nay. Còn thời gian từ khi ông V ra viện (ngày 23/3/1978) đến ngày được cấp Sổ chứng nhận thương tật (ngày 01/01/1988) chưa được BHXH tỉnh TN xem xét giải quyết nên đề nghị Tòa án xem xét.

Xét thấy, tại Văn bản số 32/LĐ-TBXH-KT ngày 20/9/1989, Sở LĐTBXH tỉnh TN xác định: *"Sau khi nghiên cứu toàn bộ hồ sơ và quan điểm giải quyết của Công ty xây dựng BT và Sở Xây dựng BT, Sở chúng tôi có ý kiến như sau: a- Sau khi bị tai nạn lao động năm 1978 tại XNLH Gang thép, ông được điều trị và sức khỏe trở lại bình thường ra viện được giám định y khoa tỉnh xác nhận mất 26% sức khỏe và được xếp hạng 4/4 và được cấp sổ thương tật, công ty đã thanh toán chế độ thương tật cho ông đầy đủ kể cả truy lĩnh (xong trong tháng 5/1988...). b- Do ốm đau nhiều lần trong 2 năm 1986-1987, ông đã nghỉ ốm đến 367,5 công ốm, những ngày nghỉ công ốm đã được công ty giải quyết thanh toán theo quy định, việc nghỉ trông con ốm cũng được giải quyết áp dụng như CNVC nữ có con ốm cho ông... (vì không có mẹ trông nom). c- Như vậy, căn cứ vào các sổ sách và chứng từ thanh toán lương ốm và trợ cấp thương tật của công ty đối với ông là đúng quy định của nhà nước..."*

Quá trình giải quyết vụ án, ông V xác định đã nhận được Văn bản số 32/LĐ-TBXH-KT ngày 20/9/1989 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh TN nhưng ông không khiếu nại đối với văn bản này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại Văn bản số 3768/SLĐTBXH-TTr ngày 10/12/2021, Sở LĐTBXH tỉnh TN có ý kiến giữ nguyên quan điểm tại Công văn số 32/LĐTBXH-KT ngày 20/09/1989 nêu trên.

Đối với BHXH tỉnh TN đã hai lần nhận được đơn của ông V (đơn ghi ngày 29/9/2003 và ngày 13/01/2004) đề nghị được truy lĩnh từ tháng 12/1987 trở về trước. BHXH tỉnh TN đã trả lời ông V tại Công văn số 984/BHXH-KT ngày 14/10/2003 và Công văn số 68/CĐCS-BHXH ngày 09/02/2004. Cụ thể tại Công văn số 68/CĐCS-BHXH ngày 09/02/2004, BHXH tỉnh TN xác định: *"Tại Công văn số 984/BHXH-KT ngày 14/10/2003 đã trả lời ông như sau: Nội dung khiếu nại của ông đã được Sở LĐ-TBXH tỉnh BT (cũ) trả lời và báo cáo UBND tỉnh cùng các cơ quan chức năng khác tại công văn số 32/LĐ-TBXH-KT ngày 20/9/1989. Nay ông lại tiếp tục khiếu nại nhưng nội dung không có gì mới, như vậy việc khiếu nại của ông đã được Sở LĐ-TBXH tỉnh BT (cũ) (là cơ quan quản lý về chính sách đối với người lao động) xem xét, kết luận."*

Như vậy, theo Văn bản số 32/LĐ-TBXH-KT ngày 20/9/1989 của Sở LĐTBXH tỉnh TN thì Công ty xây dựng BT đã thanh toán chế độ thương tật cho ông đầy đủ kể cả truy lĩnh (xong trong tháng 5/1988). Văn bản này không bị khiếu nại và đã có hiệu lực kể từ thời điểm phát hành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông V về việc yêu cầu BHXH tỉnh TN chi trả (truy lĩnh) tiền trợ cấp tai nạn lao động từ khi ông V ra viện (ngày 23/3/1978) đến ngày được cấp Sổ chứng nhận thương tật (ngày 01/01/1988) là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông V về việc tuyên bố hành vi của BHXH tỉnh TN không cấp tiền để làm răng giả theo quy định là trái pháp luật:

[4.1] Ngày 15/12/2020, ông V đến BHXH tỉnh TN đề nghị được thanh toán và truy lĩnh tiền răng giả từ năm 1978. Tại Biên bản tiếp công dân ngày 15/12/2020, BHXH tỉnh TN trả lời việc ông V đề nghị thanh toán tiền truy lĩnh lắp răng giả từ năm 1978 đến nay nhưng không có hóa đơn, chứng từ nên không có cơ sở giải quyết theo đề nghị của ông V.

Ngày 19/5/2021, ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi nêu trên (hành vi không thanh toán và truy lĩnh tiền răng giả) của BHXH tỉnh TN là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4.2] Tại Điều 26 Nghị định số 218/CP ngày 27/12/1961 của Chính phủ quy định: *"Điều 26. Công nhân, viên chức nhà nước bị tai nạn lao động được xếp hạng thương tật và hưởng trợ cấp quy định như sau:...Nếu do tai nạn, người bị tai nạn lao động cần dùng chân tay giả, mắt giả, kính, máy điếc, v.v... thì được cấp phát không phải trả tiền."*

Tại điểm b Điều 2 Thông tư số 01-TT/LB ngày 23/01/1962 của Bộ Lao động - Bộ Nội vụ quy định: *"Sau khi thành thương tật, theo đề nghị của Hội đồng khám xét thương tật công nhân, viên chức được lắp chân tay giả, mắt giả, hoặc được cấp máy điếc, kính đeo mắt v.v... do cơ quan sử dụng mua sắm để cấp phát, công nhân, viên chức không phải trả tiền. Những vật dùng trên đây nếu hư hỏng trước thời gian sử dụng đã quy định mà không có lý do chính đáng thì chưa được cấp phát lại, nếu hư hỏng sau thời gian sử dụng đã quy định thì được xét để cấp phát lại."*

Tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng

cụ chỉnh hình và niên hạn cấp như sau: "1. Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì tùy theo tình trạng thương tật, bệnh tật được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình theo chỉ định tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc của bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên (gọi tắt là cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng)."

Tại tiết e tiêu mục 1.2.1 mục 1.2 khoản 1 Điều 6 Quyết định 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH VN về tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quy định như sau: "1.2. Tiếp nhận hồ sơ do đơn vị SDLĐ, Ủy ban nhân dân cấp xã, người lao động và thân nhân nộp với thành phần hồ sơ cho từng loại chế độ như sau: e) Trường hợp đang hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN trước ngày 01/01/2007 đã được trang cấp PTTGSH nay đề nghị trang cấp tiếp: Hóa đơn, chứng từ mua các phương tiện được trang cấp; vé tàu xe đi lại để làm hoặc nhận phương tiện trang cấp (nếu có)."

Ông V yêu cầu BHXH tỉnh TN cấp tiền làm răng giả từ 1978 đến 2018 là 08 niên hạn, mỗi niên hạn là 05 năm, mỗi răng là 1.000.000 đồng, mất 02 răng số tiền là 16.000.000 đồng. Xét thấy: Năm 1978, ông V bị TNLĐ mất 02 răng là đúng nhưng ông V chưa được cấp phát răng giả lần nào. Tại Biên bản giám định y khoa ngày 26/6/1987, Hội đồng Giám định y khoa tỉnh TN cũng không có đề nghị hoặc chỉ định lắp răng giả cho ông V. Ngoài ra, ông V không cung cấp được cho cơ quan BHXH tỉnh TN hóa đơn, chứng từ mua các phương tiện được trang cấp (răng giả) theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/09/2017 của Bộ LĐTBXH và tiết e tiêu mục 1.2.1 mục 1.2 khoản 1 Điều 6 Quyết định 166/QĐ-BHXH ngày 31/01/2019 của BHXH VN đã được trích dẫn nêu trên. Do đó, BHXH tỉnh TN không thực hiện việc cấp tiền làm răng giả cho ông V là đúng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông V về việc tuyên bố hành vi của BHXH tỉnh TN không cấp tiền để làm răng giả cho ông V là trái pháp luật.

[5] Như đã phân tích nêu trên thì các yêu cầu khởi kiện của ông V đều không có căn cứ chấp nhận nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường của nhà nước theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước và theo quy định tại Điều 7 của Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông V về việc buộc BHXH tỉnh TN và BHXH VN bồi thường thiệt hại là đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu của ông V buộc Liên đoàn Lao động tỉnh TN phải bồi thường số tiền 2.541.711.000 đồng: Yêu cầu của ông V vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử cũng không có thẩm quyền giải quyết.

Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông V nên cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị được miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn V; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2021/HC-ST ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V được miễn nộp toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuyển Nguyễn Phan Nam

Phùng Hải Hiệp

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- Cục THA dân sự tỉnh TN;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Hải Hiệp